

KOMATSU®

D39EX-22 D39PX-22

CÔNG SUẤT TÍNH

79 kW 105 HP @ 2200 v/ph

TRỌNG LƯỢNG VẬN HÀNH

D39EX-22: **9040 kg** 19,930 lb

D39PX-22: **9480 kg** 20,900 lb

D
39

MÁY Ủ BÁNH XÍCH



Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

TỔNG QUAN

Tầm nhìn rộng

- Thiết kế đầu máy nghiêng
- Cabin hướng trước
- Tích hợp ROPS/FOPS

Cải thiện năng suất

- Công suất cao nhất trong phân khúc
- Quạt làm mát thủy lực điều khiển điện
- Truyền động cuối liên guốc xích
- Lưỡi ủi điều chỉnh nghiêng, xoay dung tích cao

Dễ vận hành / Tăng tính tiện nghi cho người điều khiển

- Hộp số thủy lực tĩnh (HST) điều khiển điện
- Hệ thống điều khiển PCCS
- Cabin nén lớn và tĩnh (lựa chọn)
- Hệ thống giảm chấn môi (cho cabin)

Cải thiện độ bền

- Sử dụng toàn bộ thép độ cứng cao
- Thiết kế theo mô đun

Bảo dưỡng dễ dàng

- Màn hình điều khiển điện tích hợp bộ chuẩn đoán
- Tản nhiệt gắn sau với quạt thủy lực có thể xoay được
- Kiểm tra hàng ngày dưới mặt đất



CÔNG SUẤT TÍNH
79 kW 105 HP @ 2200 v/ph

TRỌNG LƯỢNG VẬN HÀNH
D39EX-22: 9040 kg 19,930 lb
D39PX-22: 9480 kg 20,900 lb



Nhìn những gì

Tầm nhìn lưới gạt có một không hai

D39EX/PX-22 có thiết kế mũi nghiêng của Komatsu. Thiết kế đột phá này giúp mang lại tầm nhìn tốt hơn cho lưới ủi để cải thiện khả năng vận hành cũng như tăng hiệu quả và năng suất.

bạn đã bỏ lỡ !

ĐẶC ĐIỂM VẬN HÀNH



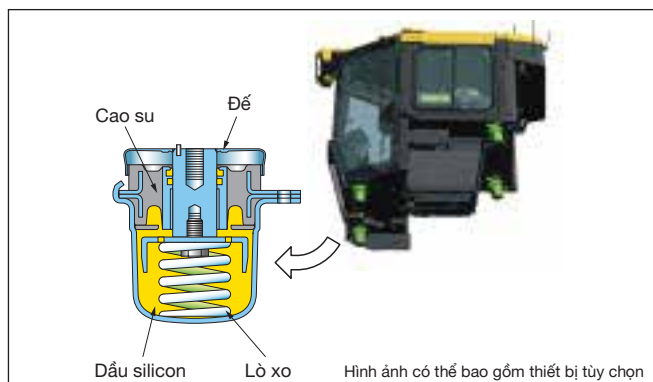
Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

Hộp số thủy lực tĩnh điều khiển điện tử

D39 được trang bị hộp số thủy lực tĩnh (HST) do Komatsu thiết kế cho phép chuyển số nhanh và linh hoạt. HST có mạch hai đường kín với hai bơm và mô tơ pít tông biến thiên. Hệ thống lái thủy lực loại bỏ các ly hợp và phanh, cho việc lái máy êm ái và mạnh mẽ. Hệ thống được điều khiển điện tử hoàn toàn cho phép chuyển số tự động và điều khiển mượt mà. Tốc độ động cơ được điều khiển sử dụng một đĩa quay điện tử.

Lái máy thoải mái với bộ giảm chấn cabin mới

Bộ gá cabin của D39 sử dụng một hệ thống giảm chấn giúp giảm sóc và rung hoàn hảo mà các hệ thống truyền thống không thể mang lại. Dầu silicone trong giảm chấn cabin tách cabin khỏi thân xe, loại bỏ rung động và mang lại độ tĩnh và thoải mái cho thợ vận hành.



Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

Hệ thống điều khiển công tác (PPC)

Cần điều khiển công tác kết hợp với hệ thống thủy lực có độ tin cậy hàng đầu của Komatsu mang lại, giúp điều khiển lưỡi ủi một cách chính xác.

Hệ thống cảm biến tải trung tâm (CLSS)

Với hệ thống thủy lực CLSS, tốc độ lưỡi gạt sẽ theo cần điều khiển.

Hệ thống điều khiển (PCSS)

Cần điều khiển được vận hành một cách nhẹ nhàng và thoải mái theo tất cả các hướng di chuyển của máy, bao gồm cả tốc độ và quay.



CÁC TÍNH NĂNG ĐỘ BỀN



Bộ gôm xích có độ bền cao

Mắt xích lớn, đường kính galê lớn, răng bánh sao rộng hơn giúp tăng tuổi thọ thân dưới.

Truyền động cuối và mô tơ di chuyển được bảo vệ

Truyền động cuối và mô tơ di chuyển được gắn trong lòng guốc xích để bảo vệ khỏi đất đá và tăng độ bền bỉ.



Nắp chụp mô tơ

Khung đơn

Thiết kế khung đơn của Komatsu sử dụng vật liệu thép hộp dày hơn và hàn ít hơn mang lại độ cứng lý tưởng.

Tấm bảo vệ

Cấu trúc được đơn giản hóa với các tấm thép dày hơn giúp giảm rung và ồn.

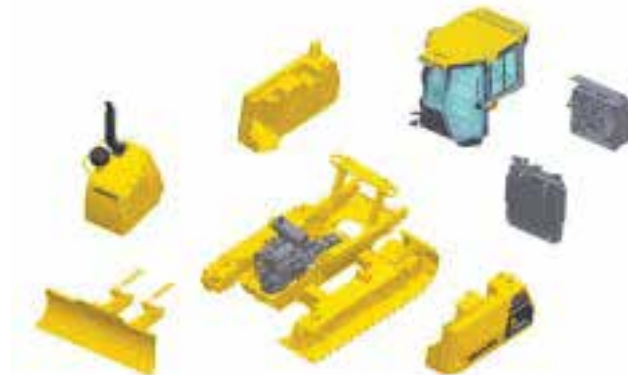
Khung chính

Cấu trúc có độ cứng cao và đơn giản của khung chính kết hợp với các tấm thép dày và thép đúc mang lại độ tin cậy và độ bền cao.



Thiết kế theo mô đun

Một trong những mục tiêu thiết kế sau sự sáng tạo ra D39 là sản xuất một chiếc máy bền bỉ hơn. Điều đó đã đạt được bằng cách giảm độ phức tạp của các cụm tổng thành và sử dụng thiết kế theo mô đun để sửa chữa dễ dàng hơn và tăng độ bền bỉ.



NĂNG SUẤT CAO



Động cơ đạt chuẩn khí thải EPA Tier 3 và Euro Stage 3A; công nghệ "ecot3" với tính thân thiện môi trường và

kinh tế kết hợp với công nghệ Komatsu để tạo ra khả năng vận hành cao mà không giảm công suất và năng suất.

Động cơ điều khiển điện tử tiết kiệm nhiên liệu

Động cơ Komatsu SAA4D107E-1 cho công suất hiệu dụng 79 kW (105 mã lực) tại 2200 v/ph. Động cơ mạnh mẽ trên D39-22 tạo nên chiếc máy ủi hiệu quả về nhiên liệu và là một sự lựa chọn hợp lý cho cả hoạt động san gạt và ủi. Động cơ sử dụng tăng áp và phun nhiên liệu trực tiếp và làm mát khí cho công suất tối đa, hiệu quả nhiên liệu và khí thải sạch. Để giảm độ rung và ồn, động cơ được lắp vào khung chính.

Quạt làm mát điều khiển thủy lực

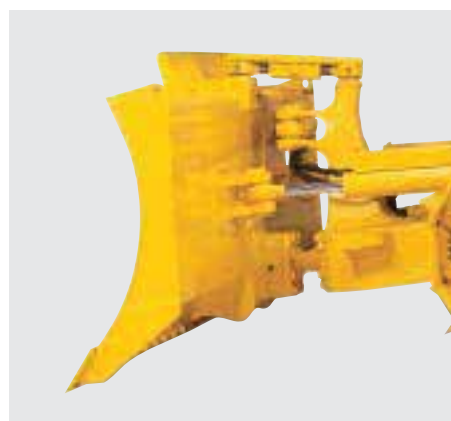
Tốc độ chiều quay của quạt làm mát được điều khiển điện. Tốc độ của quạt làm mát tùy thuộc vào nhiệt độ nước làm mát và dầu thủy lực; nhiệt độ càng cao, thì tốc độ quạt càng lớn. Hệ thống này giúp cải thiện hiệu quả nhiên liệu, giảm độ ồn, và tiêu tốn ít công suất hơn so với dùng dây đai truyền thống.

Dài xích dài

Dài xích dài tăng cường độ ổn định của máy và khả năng san/ủi.

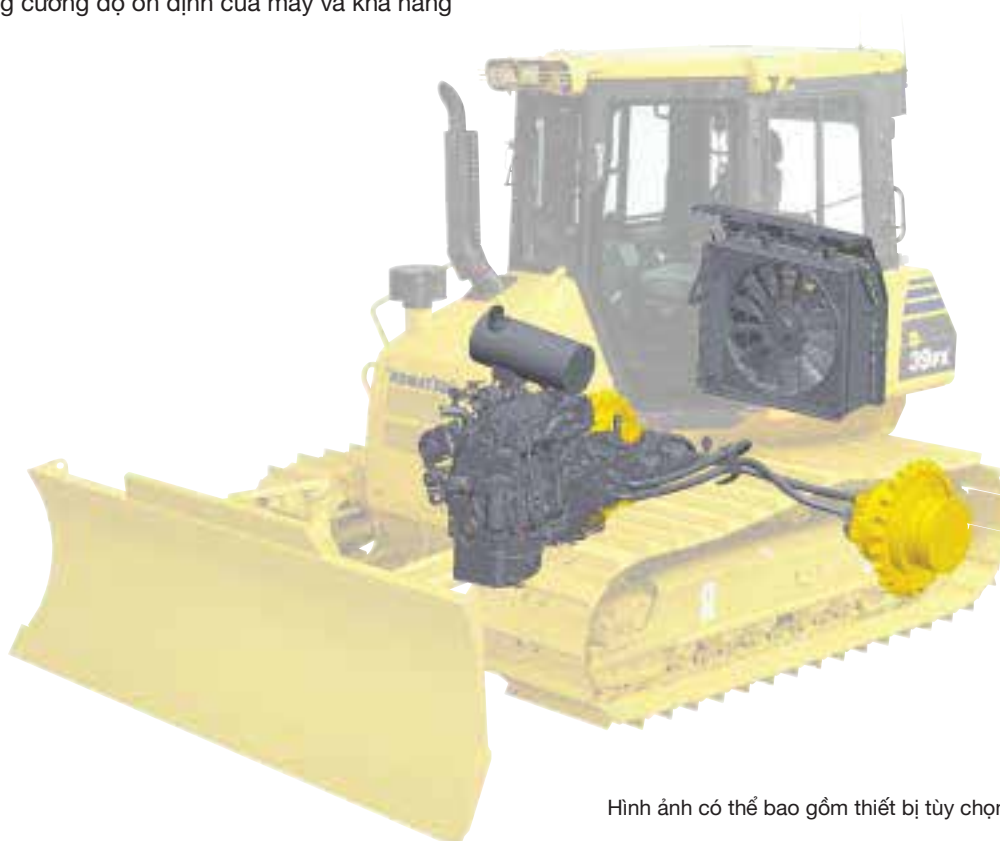
Điều chỉnh góc lật của lưỡi ủi

Góc lật của lưỡi ủi có thể được điều chỉnh một cách dễ dàng bằng cách thay đổi chiều dài của thanh thay đổi góc trên đỉnh của lưỡi gạt. Điều này mang lại hiệu suất tối đa cho công việc với nhiều loại vật liệu và điều kiện nền đất.



Hệ thống điều khiển hộp số thủy lực tĩnh (HST)

Hộp đen HST theo dõi công suất của động cơ và tải của các cơ cấu công tác/di chuyển. Nó điều khiển bơm HST và mô tơ di chuyển để cho tốc độ và lực kéo tối ưu. Công suất cho mỗi bên khi quay và di chuyển ngược biến D39 thành cỗ máy vô cùng linh hoạt.



Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

BẢO DƯỠNG DỄ DÀNG

Quạt thủy lực có thể xoay lên

D39-22 sử dụng quạt có thể xoay lên với hệ thống thanh nâng trợ lực bằng khí giúp tiếp cận kết làm mát nước, dầu và thay lọc bụi dễ dàng hơn. Quạt thủy lực còn có chế độ làm sạch, quạt sẽ quay ngược và giúp loại bỏ các vật thể bám vào trước khu vực làm mát.



Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

Bơm mỡ từ xa

Các điểm bơm mỡ từ xa có thể tiếp cận một cách dễ dàng.

Phanh đĩa có thể điều chỉnh

Phanh đĩa ướt sử dụng thủy lực và lò xo được đặt tại các cụm truyền động cuối.



Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

Màn hình mới với tính năng tự chuẩn đoán

Hệ thống màn hình mới đem đến những thông tin quan trọng về máy. Màn hình cho biết trạng thái vận hành và thông báo cho lái máy bằng đèn và âm thanh khi có sự cố bất thường. Ngoài ra, các mã lỗi cũng được hiển thị để giúp quá trình sửa chữa dễ dàng hơn và giảm thời gian dừng máy. Tính năng nhắc bảo dưỡng cho dầu máy và lọc cũng được tích hợp.



Kiểm tra hàng ngày

Công việc kiểm tra hàng ngày có thể thực hiện một cách hiệu quả hoàn toàn dưới mặt đất.



Hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



ĐỘNG CƠ

Loại Komatsu SAA4D107E-1*
 Kiểu 4 kỳ, làm mát bằng nước, phun nhiên liệu trực tiếp
 Khí nạp tu bổ tăng áp, làm mát khí nạp
 Số xi lanh 4
 Đường kính x Hành trình piston **107 mm x 124 mm**
 Dung tích xi lanh **4,46 lít**
 Điều khiển Tất cả các tốc độ, điện tử
 Công suất
 SAE J1995 Tổng **79,9 kW 107 HP**
 ISO 9249 / SAE J1394 Tịnh **79 kW 105 HP**
 Quạt thủy lực tại tốc độ tối đa Tịnh **71 kW 95HP**
 Vòng quay định mức 2200 v/ph
 Quạt làm mát Thủy lực
 Hệ thống bôi trơn
 Phương pháp Bơm dầu, bôi trơn cưỡng bức
 Loại Toàn phần
 *Đạt chuẩn khí thải EPA Tier 3 và EU Stage 3A

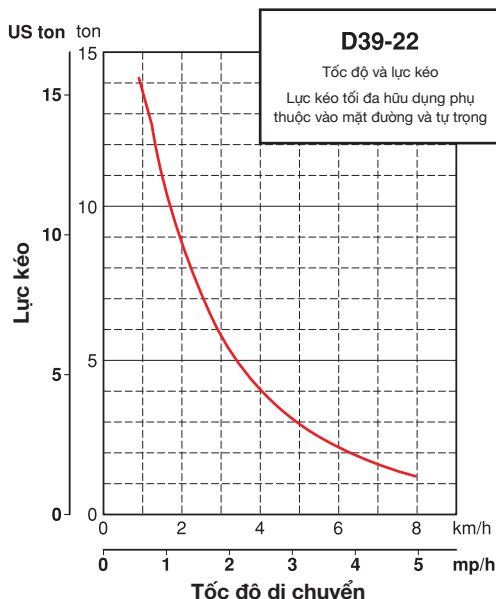


HỘP SỐ THỦY LỰC TĨNH

Hộp số thủy lực tĩnh cho tốc độ di chuyển lên đến **8.5 km/h**.
 Mô tơ di chuyển biến thiên giúp lái máy lựa chọn tốc độ tối ưu cho từng công việc cụ thể.

Tốc độ di chuyển (chuyển số nhanh)	Tiến	Lùi
1st	0-3.4 km/h 0-2.1 mph	0-4.1 km/h 0-2.5 mph
2nd	0-5.6 km/h 0-3.5 mph	0-6.5 km/h 0-4.0 mph
3rd	0-8.5 km/h 0-5.3 mph	0-8.5 km/h 0-5.3 mph

Tốc độ di chuyển (biến thiên)	Tiến	Lùi
	0-8.5 km/h 0-5.3 mph	0-8.5 km/h 0-5.3 mph



TRUYỀN ĐỘNG CUỐI

Bánh răng hành tinh hai trạng thái được tích hợp vào trục piston của mô tơ di chuyển. Cơ cấu lắp lá xích đơn giản giúp giảm nguy cơ hỏng do đất đá vụn. Bánh sao bắt bu lông giúp thay thế dễ dàng.



HỆ THỐNG LÁI

Hệ thống cần điều khiển sử dụng cho tất cả các di chuyển. Đẩy cần điều khiển về phía trước đồng nghĩa với tiến máy, và kéo cần điều khiển là lùi máy. Kéo cần điều khiển sang trái hay phải nghĩa là quay máy. Hộp số thủy lực tĩnh loại bỏ các ly hợp và phanh, cho phép di chuyển mạnh mẽ và dễ dàng. Hệ thống điều khiển điện tử toàn phần giúp cho thợ lái máy điều khiển máy dễ dàng hơn bao giờ hết. Nút chuyển số được thiết kế ngay trên cần điều khiển để giảm và tăng tốc độ.

Bán kính vòng quay tối thiểu:
 D39EX-22 **2,2 m**
 D39PX-22 **2,4 m**

(Được đo bằng các dấu xích trên đất tại điểm quay)



GẮM XÍCH

Hệ thống treo Dạng cứng
 Khung ga lê Khung đơn, bản rộng, cấu trúc bền
 Ga lê và bánh ty Ga lê bôi trơn

Các ga lê bôi trơn

Các gioăng độc đáo chống các vật liệu mòn xâm nhập vào khoảng hở giữa chốt và bạc giúp tuổi thọ ga lê được kéo dài.
 Độ căng của dải xích cũng được điều chỉnh dễ dàng nhờ súng bơm mỡ.

	D39EX-22	D39PX-22
Số lượng ga lê (mỗi bên)	6	6
Kiểu lá xích (tiêu chuẩn)	Vấu đơn	Vấu đơn
Số lượng lá xích (mỗi bên)	39	39
Độ cao vấu xích	53 mm 2.1"	53 mm 2.1"
Độ rộng lá xích (tiêu chuẩn)	460 mm 18.1"	635 mm 25.0"
Diện tích tiếp xúc mặt đất	21710 cm² 3,365 in ²	29970 cm² 4,645 in ²
Áp suất mặt đất (với lưới ủi, cabin ROPS)	40.8 kPa 0.42 kgf/cm² 5.92 psi	31.0 kPa 0.32 kgf/cm² 4.50 psi
Khoảng cách giữa các lá xích	1650 mm 5'5"	1790 mm 5'10"
Chiều dài của lá xích trên đất	2360 mm 7'9"	2360 mm 7'9"



DUNG TÍCH DẦU BÔI TRƠN VÀ NƯỚC LÀM MÁT (BỔ SUNG)

Nước làm mát **23 ltr** 6.1 U.S. gal
 Nhiên liệu **195 ltr** 51.5 U.S. gal
 Dầu động cơ **15 ltr** 4.0 U.S. gal
 Thùng dầu thủy lực **60 ltr** 15.9 U.S. gal
 Truyền động cuối (mỗi bên) **3.5 ltr** 0.9 U.S. gal



TRỌNG LƯỢNG VẬN HÀNH (GẦN ĐÚNG)

Trọng lượng phần máy:

Bao gồm cả cabin ROPS, đầy nước làm mát, dầu bôi trơn, nhiên liệu, lái máy, và thiết bị tiêu chuẩn
 D39EX022 **7800 kg**
 D39PX-22 **8160 kg**

Trọng lượng vận hành:

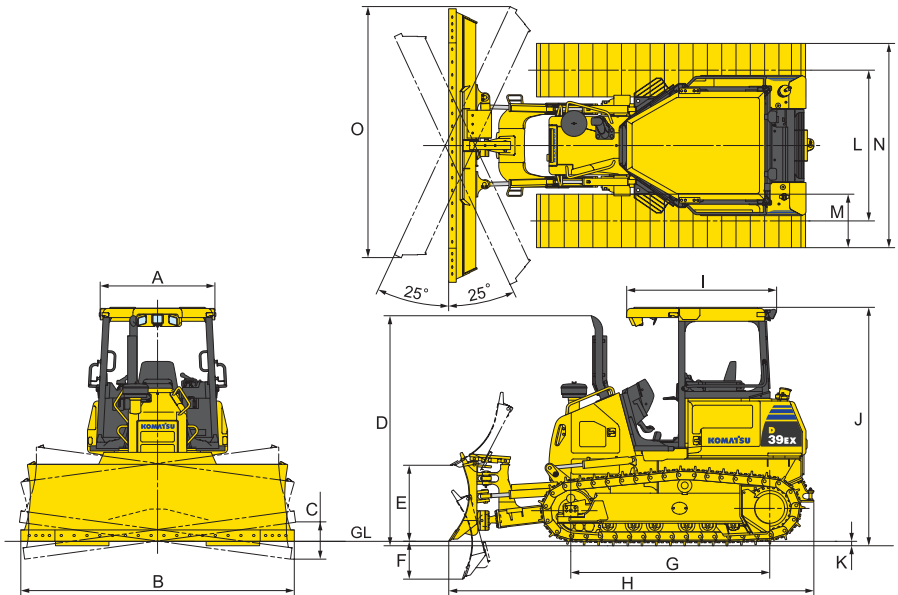
Bao gồm lưới ủi tự xoay, cabin ROPS, lái máy, thiết bị tiêu chuẩn, đầy nước làm mát, dầu bôi trơn và nhiên liệu
 D39EX-22 **9040 kg**
 D39PX-22 **9480 kg**



KÍCH THƯỚC

	D39EX-22	D39PX-22
A*	1280 mm 4'2"	1280 mm 4'2"
B	2710 mm 8'11"	3250 mm 10'8"
B*	—	2980 mm 9'9"
C	370 mm 1'3"	440 mm 1'5"
C*	—	405 mm 1'4"
D	2730 mm 8'11"	2730 mm 8'11"
E	900 mm 2'11"	900 mm 2'11"
F	450 mm 1'6"	450 mm 1'6"
G	2360 mm 7'9"	2360 mm 7'9"
H	4335 mm 14'3"	4335 mm 14'3"
I	2245 mm 7'4"	2245 mm 7'4"
J	2835 mm 9'4"	2835 mm 9'4"
K	53 mm 2.1"	53 mm 2.1"
L	1650 mm 5'5"	1790 mm 5'10"
M	460 mm 18.1"	635 mm 25.0"
N	2110 mm 6'11"	2425 mm 7'11"
O	2490 mm 8'2"	2980 mm 9'9"
O*	—	2750 mm 9'0"

* Lưỡi hẹp cho D39PX-22



Khoảng sáng gầm xe 385 mm 15.2"



HỆ THỐNG THỦY LỰC

Hệ thống thủy lực cảm nhận tải trung tâm (CLSS) được thiết kế cho việc điều khiển và phản ứng chính xác cho các hoạt động liên tục một cách hiệu quả.

Phân điều khiển thủy lực

Tất cả các van điều khiển đều được lắp bên ngoài, xa thùng dầu thủy lực. Lưu lượng bơm thủy lực lên đến **99 lít/phút** tại tốc độ vòng tua động cơ định mức.

Thiết lập van an toàn 27,4 MPa, **280 kg/cm²**
Xi lanh thủy lực Hai trạng thái, kiểu piston

	Số lượng xi lanh	Đường kính
Lưỡi nâng	2	75 mm 2.95"
Lưỡi xoay	1	90 mm 3.54"
Lưỡi nghiêng	2	80 mm 3.15"

Dung tích dầu thủy lực (bổ sung)

Lưỡi ủi tự điều chỉnh độ nghiêng **60 L**

Van điều khiển:

3 van điều khiển cho máy ủi có lưỡi gạt tự điều chỉnh độ nghiêng
Vị trí:

Nâng lưỡi Nâng, giữ, hạ, và nổi
Nghiêng lưỡi Phải, giữ, và trái
Xoay lưỡi Phải, giữ, và trái

Van điều khiển thêm cho lưỡi cày

Vị trí:

Nâng lưỡi cày Nâng, giữ, và hạ



LƯỚI ỦI

Sử dụng thép độ bền cao trong lưới đúc giúp tăng độ bền của cấu trúc lưới ủi

	Chiều dài tổng thể với lưới ủi*	Dung tích lưới ủi (SAE)	Lưới ủi rộng x cao	Chiều cao nâng tối đa	Tầm hạ tối đa	Điều chỉnh nghiêng tối đa	Góc xoay
D39EX-22 PAT Lưỡi tiêu chuẩn	4325 mm 14'2"	2.21 m ³ 2.89 yd ³	2710 mm x 980 mm 8'11" x 3'3"	900 mm 2'11"	450 mm 1'6"	370 mm 1'3"	25
D39PX-22 PAT Lưỡi tiêu chuẩn	4325 mm 14'2"	2.30 m ³ 3.00 yd ³	3250 mm x 910 mm 10'8" x 3'0"	900 mm 2'11"	450 mm 1'6"	440 mm 1'5"	25
D39PX-22 PAT Lưỡi hẹp	4325 mm 14'2"	2.08 m ³ 2.72 yd ³	2980 mm x 910 mm 9'9" x 3'0"	900 mm 2'11"	450 mm 1'6"	405 mm 1'4"	25

* Gồm cả khớp



THIẾT BỊ TIÊU CHUẨN CHO MÁY CƠ SỞ

Động cơ và các chi tiết liên quan

- Lọc gió, kiểu khô, lõi kép với đèn cảnh báo trên màn hình
- Pedal giảm tốc
- Động cơ **KOMATSU SAA107E-1**, công suất tịnh **79 kW 105 HP** phun nhiên liệu trực tiếp, tăng áp, làm mát khí nạp, đạt chuẩn khí thải EPA Tier 3
- Quạt làm mát thủy lực điều khiển điện tử
- Lọc nhiên liệu thô (10 micron) và lọc tinh (2 micron)
- Đường nạp có bộ lọc thô khí
- Lưới che kết nước
- Thùng chứa nước làm mát
- Bộ sấy dạng băng
- Lọc tách nước

Hệ thống điện

- Máy phát điện 30 amp (24 V)
- Cảnh báo dự phòng
- Ác quy dung lượng cao 92 Ah
- Mô tơ để 5,5 kW

Hệ thống truyền lực và điều khiển

- Pedal phanh
- Quay ngược
- Hộp số thủy lực tĩnh (HST) điều khiển điện với chế độ chuyển số nhanh và thiết lập tốc độ biển thien
- Hệ thống cần điều khiển (PCCS) điện tử cho di chuyển
- Các thiết lập trước tốc độ di chuyển

Gầm xích

- Lò xo cho bánh tỷ
- Bánh sao gắn bằng bu lông
- Tấm bảo vệ ga lê phía cuối
- Bộ lá xích có gioăng và bộ mắt xích được bôi trơn:
 - D39EX-22: 460 mm vấu đơn
 - D39PX-22: 635 mm vấu đơn

Tấm chắn và bảo vệ

- Tấm bảo vệ các te và gầm
- Các tấm che động cơ và phía hông
- Cabin ROPS/FOPS
- Tấm bảo vệ phía trong bánh sao

Môi trường làm việc

- Giá giữ cốc
- Màn hình điện tử tích hợp tính năng tự chuẩn đoán
- Để nghỉ chân
- Còi
- Dây đai an toàn 76 mm
- Ghế ni giám chắn

Thủy lực và điều khiển

- Bình tích năng cho áp điều khiển (PPC)
- Mạch thủy lực cho PAT
- Hệ thống điều khiển điện (PCSS) với áp suất điều khiển chính xác (PPC)

Bảo vệ phá hoại

- Khóa thùng nhiên liệu và các loại khóa bảo vệ
- Khóa và che màn hình điều khiển (bản chỉ có mái che)

Các trang bị tiêu chuẩn khác

- Giá giữ súng bơm mỡ
- Cấu hình phù hợp độ cao (không cần điều chỉnh nhiên liệu đến 2300 m)
- Gối đèn sáng (3 trước, 1 sau)
- Decal tiếng Anh
- Móc kéo phía trước

*Cabin và mái che ROPS phải được đặt cùng toàn bộ máy. Cabin và máy che FOPS là cấp độ 2. ROPS/FOPS đạt tất cả tiêu chuẩn và quy định liên quan của OSHA/MSHA.

Lưới ủi và các trang bị gắn phía sau là không nằm trong giá máy cơ sở.



THIẾT BỊ TÙY CHỌN

Bộ lá xích với mắt xích có gioăng và bôi trơn

- D39PX-22
- 700 mm vấu

Ray lá xích bạc chống mòn và mắt xích có gioăng và bôi trơn

- D39EX-22
 - 460 mm vấu đơn, lá xích với mắt xích chống mòn
 - 510 mm vấu đơn, với mắt xích chống mòn
- D39PX-22
 - 635 mm vấu đơn, với mắt xích chống mòn
 - 700 mm vấu đơn, với mắt xích chống mòn

Lưới ủi

- D39PX-22 - lưới ủi 2980 mm

Tấm bảo vệ ga lê

- Tấm bảo vệ ga lê, từng phần, toàn bộ

Môi trường làm việc

- Cổng nối 12 amp (12V) (chỉ bán cabin)
- Máy có cabin
 - Bật lửa (24V, tiêu chuẩn cho cabin)
 - Giá giữ hộp cơm trưa (tiêu chuẩn cho cabin)
 - Đầu chờ cho radio (chỉ bán cabin)
 - Ghế giám chắn ni, tựa cao
 - Ghế giám chắn ni, tựa thấp
 - Ghế giám chắn khí, ni, tựa cao
- Giá giữ hộp cơm trưa (lựa chọn thêm cho bán mái che)

Trang bị phía sau và thủy lực

- Thủy lực phía sau (D39EX/PX-22)
- Lưỡi cày lớn, nhiều răng (chỉ D39EX-22)
- Móc kéo

Trang bị cho mái che và cabin ROPS

- Cabin ROPS (bao gồm điều hòa với bộ sấy, chống đông, nén áp suất) - Radio AM/FM, cassette lựa chọn thêm
- Mái che với bộ sấy thấp

Môi trường làm việc

- Các tấm bảo vệ cho cabin và mái xe khi làm làm nghiệp

Authorized distributor in Vietnam

Marubeni
Heavy Equipment

www.mhe.vn

HEAD QUARTER:

Add: Lot 7, Quang Minh IZ,
Me Linh District, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 4 3843 0540
Fax: +84 4 3843 0842

DA NANG BRANCH:

Add: 303 Ton Duc Thang,
Lien Chieu Dist., Da Nang City, Vietnam
Tel: +84 511 3725 557
Fax: +84 511 3725 567

BIEN HOA BRANCH:

Add: No.11, Road 1A, Bien Hoa IZ II,
Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam
Tel: +84 61 889 0500
Fax: +84 61 8890 700

KOMATSU[®]
www.komatsu.com

Materials and specifications are subject to change without notice
KOMATSU is a trademark of Komatsu Ltd. Japan